VIETNAM 1:50,000

MƯỜNG LÂM

SỐ HIỆU 5751 III
LOẠI L7014

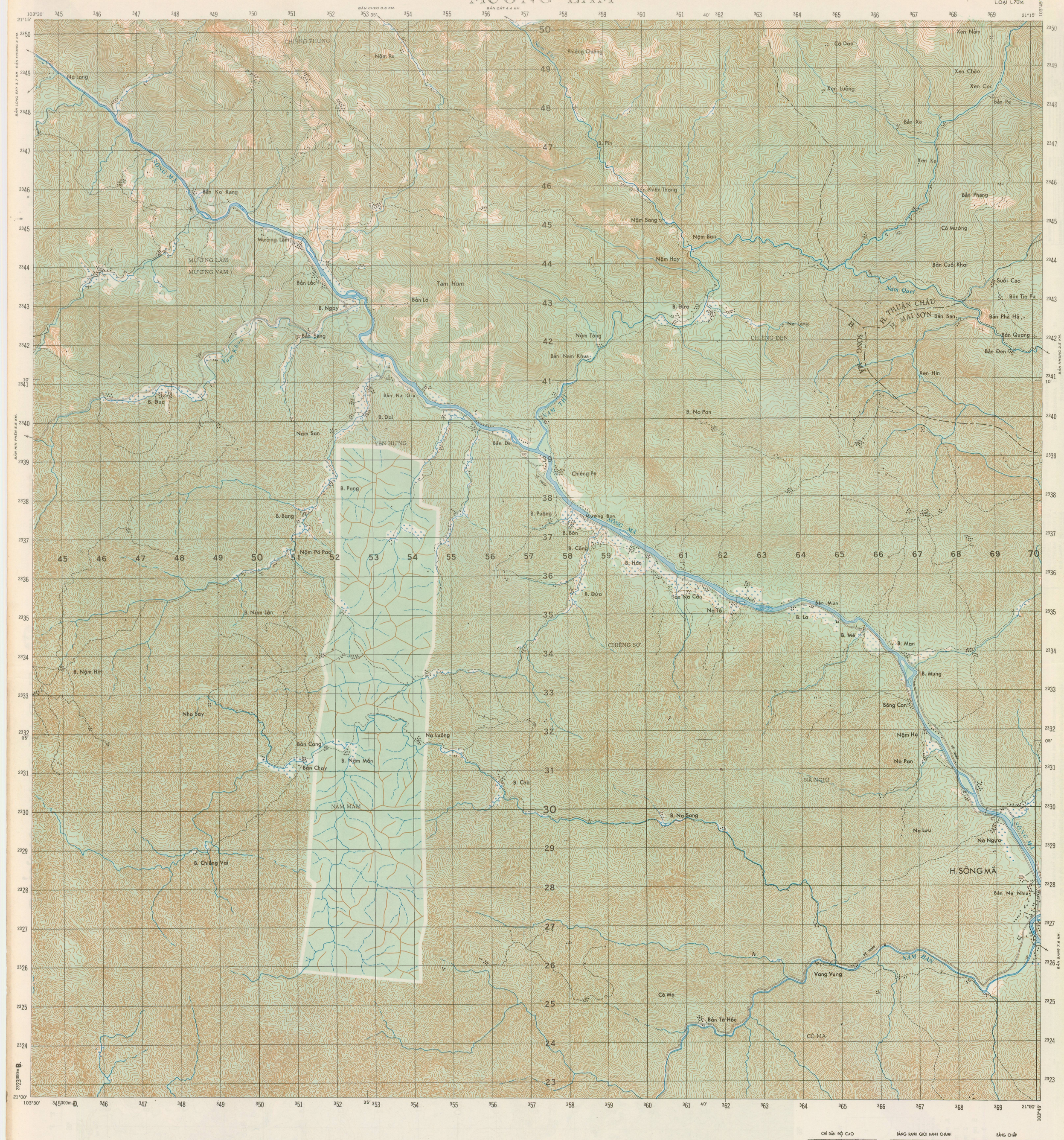

CHỦ-TỪ

Trên bản đồ này một lối XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét.

Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lập thành vòm cây kín và phía dưới rừng không thể qua lại được. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lập thành vòm cây kín và phía dưới rừng có thể qua lại được. Thảo mộc phân loại theo không ảnh

ĐƯỜNG-SÁ

- *Đường tráng nhựa, có hai hay trên hai lối xe đi*
- *Đường cán đá hay tráng mống, có hai hay trên hai lối xe đi*
- *Đường tráng nhựa, có một lối xe đi*
- *Đường cán đá hay tráng mống, có một lối xe đi*
- *Đường đất*
- *Đường dùng khai-khẩn*
- *Đường mòn, đường bộ-hành*

ĐƯỜNG XE LỬA

- *Loại đường thường, một đường, rộng 1 mét; Ga, trạm*
- *Loại đường thường, hai đường*
- *Loại đường hẹp, một đường*
- *Điểm trắc-địa*
- *Cao-độ tính ra mét: Đã được kiểm lại; Chưa được kiểm lại* ×729 ×729

- *Nhà thờ; Thập-tự; Trường học*
- *Đền, miếu; Chùa; Am*
- *Nghĩa-địa*
- *Sân bay; Đúng quanh năm; Từng mùa*
- *Ranh giới Quốc-gia*
- *Ranh giới Tỉnh*
- *Ranh giới huyện*
- *Đường đập*
- *Bờ đập, Tường*
- *Cát*
- *Tên sông hay địa-điểm* HÀO LỒNG
- *Hồ hay ao: Có nước quanh năm; Từng mùa*
- *Đập xây; Đập đất*
- *Ruộng lúa; Đồng lầy*
- *Thôn-thị*
- *Làng*
- *Rừng hay bụi rậm*
- *Đồn-điền*
- *Dừa nước; Cây bần*
- *Cầu*
- *Cầu nhỏ*
- *Phà*
- *Chỗ lội qua*
- *Ghềnh chảy mạnh*
- *Thác lớn*

Tỷ-lệ 1:50,000

1000 500 0 1000 2000 3000 4000 Mét

KHOẢNG CÁCH ĐỀU ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ CƠ BẢN LÀ 20 MÉT

KHỞI ĐẦU DỌC ..... *É-VE-RÊT*
Ô VUÔNG ..... *UTM TỪNG 1.000 MÉT; KHU HÌNH THOI 48 (NHỮNG ĐƯỜNG CÓ GHI SỐ ĐEN):*

HỆ THỐNG CHIẾU ..... *U.T.M.*
HỆ THỐNG ĐỘ CAO ..... *MẶT BIỂN TRUNG BÌNH TẠI HÀ TIÊN*
HỆ TỌA ĐỘ ..... *HỆ THỐNG TRẮC ĐẠC ẤN ĐỘ 1960*

MỆNH-DANH BẢN-ĐỒ TRONG KHU KẺ Ô

48Q

CHỈ-ĐỊNH Ô VUÔNG TỪNG 100.000 M.

UJ

Những con số nhỏ chỉ dùng để ghi những tọa-độ toàn bộ. Chỉ dùng những con SỐ LỚN của số hiệu ô kẻ vuông.
Thí dụ: 23 23000

PHƯƠNG-PHÁP TÌM TỌA-ĐỘ TỪNG TRĂM MÉT CHO MỘT ĐỊA-ĐIỂM TRONG BẢN-ĐỒ

THÍ DỤ: NGA BÁ SONG

1. Ghi chữ chỉ-định ô vuông từng 100.000 mét của địa-điểm muốn tìm tọa-độ: UJ
2. Lấy đường ô vuông kẻ ĐỌC đầu tiên ở phía TRÁI địa-điểm, đọc con SỐ LỚN của số hiệu ghi phía trên hay phía dưới bản-đồ này ghi ngay trên đường ô vuông đó: 56
   Ước lượng xem được bao nhiêu phần mười từ đường kẻ đọc đến địa-điểm: 9
3. Lấy đường ô vuông KẺ NGANG đầu tiên ở phía DƯỚI địa-điểm, đọc con SỐ LỚN của số hiệu ghi bên trái hay bên phải bản-đồ này ghi ngay trên đường ô vuông đó: 34
   Ước lượng xem được bao nhiêu phần mười từ đường kẻ ngang đến địa-điểm: 3

Thí dụ: UJ569343

Nếu phải liên-lạc với một địa-điểm cách xa quá 9° Bắc-Nam hay 18° Đông-Tây hãy ghi ô dăng trước mệnh danh khu kẻ ô: 48QU J569343

HỘI-TỤ ĐƯỜNG KẺ Ô VUÔNG TÍNH Ở TRUNG-TÂM BẢN-ĐỒ
0°30' (9 LY GIÁC)

BV — BẮC Ô VUÔNG — BẮC TỪ — BẮC ĐỊA-DỰ

1965

CHỈ DẪN ĐỘ CAO

1410 1350 330 1870

CAO NHẤT
CAO
TRUNG BÌNH
THẤP

BẢNG RANH GIỚI HÀNH CHÁNH

Tỉnh Sơn La

BẢNG GHÉP

5651 I	5751 IV	5751 I
5651 II	5751 III	5751 II
5650 I	5750 IV	5750 I

Số hiệu 5751 III thuộc tờ số NF 48-10, L509 1:250,000

CỤC BẢN ĐỒ BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
IN THÁNG 5 NĂM 1979. CHỈNH LÝ THEO BẢN ĐỒ 1:100.000 UTM IN NĂM 1978.

MƯỜNG LÂM, VIỆTNAM